

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2023

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn;
2. Ông Phan Thành Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1996;

Địa chỉ: ấp H, xã T1, huyện L, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** anh Nguyễn Nhật L1, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: X, ấp N, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh L1 vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Thùy trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Mộng T và anh Nguyễn Nhật L1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019. Chị T, anh L1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L1 không lo làm ăn, đá gà, ham chơi, chỉ lo cho bản thân, .... Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị T đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay, chị T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị T ở xa không tiện cho việc đi lại, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Anh L vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 08/8/2022, chị Nguyễn Thị Mộng T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Nhật L1. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị T*:

Chị T, anh L1 tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/2019. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không lo làm ăn, đá gà, ham chơi, chỉ lo cho bản thân, .... Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa và tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị T, anh L1 ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1. Đối với anh L1, Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định, anh L1 không còn tha thiết và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị T nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T xin ly hôn đối với anh Nguyễn Nhật L1;

\* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng T với anh Nguyễn Nhật L1.

\* Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mộng T không yêu cầu anh Nguyễn Nhật L1 cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

**2.** Về án phí: chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007762 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã TA;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***(Đã ký)***

**Lê Thị Minh Trung**